

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

(Ban hành theo Quyết định số 23-2009/QĐ-HĐQT ngày 15/5/2009

của HĐQT Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản pháp luật hướng dẫn đi kèm;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật hướng dẫn đi kèm;
- Quy chế Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK/Trung tâm GDCK ban hành theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 14/5/2009.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. **Quy chế quản trị** Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông; đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và cán bộ quản lý trong Công ty.
2. Quy chế này là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
3. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và các thành viên không phải là Cổ đông song có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị Công ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
5. Minh bạch trong hoạt động của Công ty;

6. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

Điều 3. Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Điều lệ của Công ty được xây dựng theo Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 của Bộ Tài chính, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 14/05/2009.
2. Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội do Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng và ban hành theo Quyết định số 23-2009/QĐ-HĐQT ngày 15/05/2009. Quy chế quản trị công ty bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - d) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - e) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
 - f) Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành và các cán bộ quản lý;

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Quản trị công ty**” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.
2. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội;
3. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán; khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
4. “**Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập**” là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.
5. “**UBCKNN**” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
6. “**SGDCK**” được hiểu là Sở giao dịch Chứng khoán.
7. “**TTGDCK**” được hiểu là Trung tâm giao dịch Chứng khoán.
8. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và tại Điều 25, Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trong các kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;
 - d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình khi đã được thanh toán đầy đủ cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 13, Điều lệ Công ty;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
 - h) Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 5% trên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau:
 - a) Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty ;
 - b) Xem xét và trích lục Sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 79 Luật Doanh nghiệp;
 - d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Yêu cầu phải được lập thành văn bản, trong đó phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề

cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- e) Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật.
3. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông được có thể ủy quyền cho đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông.
- Giấy ủy quyền hợp lệ là giấy ủy quyền theo mẫu do Công ty phát hành có đủ chữ ký theo quy định tại khoản 2 và 3, Điều 31 của Điều lệ Công ty.
4. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình.
- a) Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các Nghị quyết, quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật, Điều lệ Công ty quy định.
- b) Trường hợp các Nghị quyết, Quyết định nêu trên vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật, Điều lệ Công ty quy định.
5. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán.
6. Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:
- a) Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- b) Cổ đông được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông bằng văn bản và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các Cổ đông lớn.
2. Các cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông của Công ty liên tục trong sáu tháng trở lên được gọi là cổ đông lớn và trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, tiến hành thủ tục đăng ký với SGDCK/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết theo quy định của Pháp luật. Các cổ đông đáp ứng điều kiện này là đối tượng được Hội đồng Quản trị gửi thư đề nghị góp ý kiến cho những vấn đề chính dự kiến sẽ được đưa ra nghị sự trong Đại hội cổ đông kế tiếp. Thủ tục lấy ý kiến được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.
3. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

Điều 7. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Trình tự triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty được tuân theo các quy định được ghi từ Điều 29 đến Điều 35, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan, bao gồm những nội dung chính sau:
 - a) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được ghi rõ trong Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Cách thức bỏ phiếu đối với từng vấn đề nghị sự sẽ được Hội đồng Quản trị thông qua tại Đại hội cổ đông tùy theo yêu cầu của từng vấn đề;
 - d) Cách thức kiểm phiếu được Chủ tịch Hội đồng Quản trị trình với Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay tại Đại hội.

Riêng đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 2, Điều 25, Điều lệ Công ty có yêu cầu bằng văn bản hợp lệ gửi trước tới Công ty trong thời gian 03 ngày làm việc, Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
 - e) Kết quả bỏ phiếu sẽ được đại diện Ban kiểm phiếu thông báo ngay tại Đại Hội;
 - f) Việc phản đối Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được các cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật liên quan;
 - g) Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều được ghi thành biên bản do Ban Thư ký Hội đồng Quản trị hoặc người được Chủ toạ đại hội chỉ định;
 - h) Biên bản Đại hội đồng cổ đông sẽ được lập và đọc thông qua ngay tại Đại hội đồng cổ đông;
 - i) Trong vòng 15 ngày, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để thông báo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng cũng như gửi tới cổ đông và công bố trên trang web của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty ;
 - j) Các vấn đề khác nếu có được áp dụng theo quy định tại Điều lệ của Công ty và pháp luật.
4. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Việc uỷ quyền chỉ được coi là hợp lệ khi tuân thủ các điều kiện đã được ghi trong Điều lệ Công ty và thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
6. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.
7. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất. Cổ đông có thể nhận được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và đăng ký tham dự qua các phương tiện liên lạc của Công ty, tham khảo Chương trình nghị sự và tài liệu đi kèm từ trang

web của Công ty.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông, các thông báo và tài liệu liên quan tới Đại hội sẽ được công bố lần lượt tại website của Công ty: www.shs.com.vn.

8. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
9. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị;
3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị;
4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc;
5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;
6. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, và các cán bộ quản lý;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể hội ý và đề cử thêm ứng viên ngay lập tức tại Đại hội để toàn thể Đại hội thông qua hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định.
 Ứng viên được Hội đồng Quản trị đề cử phải đảm bảo đủ các điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
 Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông thực hiện theo phương thức dồn phiếu và được Hội đồng Quản trị hướng dẫn chi tiết trước khi tiến hành bỏ phiếu.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty, và phải:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Là Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác không phải là Cổ đông của Công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm.
2. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Công ty hạn chế thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) công ty khác.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 12. Thành phần Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông Công ty bầu ra; Số thành viên Hội đồng Quản trị là bảy (07) thành viên, trong đó khoảng một phần ba tổng số

thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập không điều hành; Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị và của thành viên Hội đồng Quản trị là 5 năm.

2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
3. Các thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK/TTGDCK và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty. Cơ cấu bộ máy quản trị công ty được xây dựng đảm bảo Hội đồng Quản trị có thể thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
3. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị được tiến hành theo quy định tại Điều 38, 40 và 45, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành:
 - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị được áp dụng theo quy định tại Điều 40, Điều lệ Công ty;
 - Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của các nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều 38, Điều lệ Công ty;
 - Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

- b) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 44, Điều lệ Công ty:
- Thông báo họp Hội đồng Quản trị: gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp được.
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuẩn bị trước 07 ngày trước ngày họp dự kiến; thư mời họp và những nội dung kể trên sẽ được gửi tới từng Thành viên Hội đồng Quản trị 03 ngày trước ngày họp dự kiến. Trong trường hợp khẩn cấp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị trước giờ họp dự kiến 24 giờ.
 - Cuộc họp Hội đồng Quản trị có hiệu lực khi đáp ứng đủ các điều kiện được quy định tại khoản 8, Điều 44 của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
 - Cách thức biểu quyết được quy định tại khoản 12, 13 và 16, Điều 44 của Điều lệ Công ty;
 - Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số (>50%);
 - Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bởi Ban thư ký Hội đồng Quản trị, được các thành viên Hội đồng Quản trị có mặt thống nhất về nội dung và ký tên.
 - Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được gửi tới từng thành viên Hội đồng Quản trị và được công bố theo quy định của Pháp luật và theo Quy chế Thông tin của Công ty.
4. Hội đồng Quản trị xây dựng trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty và các Quy chế, Quy định khác đang áp dụng tại Công ty;
 5. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng Quản trị trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn đã được xác định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, Bản mô tả công việc và theo sự phân công, ủy quyền của Hội đồng Quản trị.
 6. Hội đồng Quản trị trong các phiên họp của mình, có trách nhiệm kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc, đồng thời có ý kiến chỉ đạo để tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành công việc được giao;
 7. Các vấn đề Ban Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.
 8. Chức năng kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên theo quyết định của Hội đồng Quản trị,
 9. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

10. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7, Quy chế này.

Điều 15. Hợp Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 44, Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đối với Tiểu ban Kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận Kế toán tài chính của công ty.
3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.
4. Trường hợp các công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng Quản trị sẽ cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự.

Điều 17. Ban Thư ký Hội đồng Quản trị

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng Quản trị có bộ phận giúp việc là Ban Thư ký (hoặc Văn phòng Hội đồng Quản trị) làm việc thường xuyên tại Công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Ban Thư ký phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Ban Thư ký bao gồm:
 - a) Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - c) Ghi chép và lưu giữ biên bản các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - d) Đảm bảo các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f) Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hội đồng Quản trị.
3. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và

Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 18. Thù lao của Hội đồng Quản trị

1. Thù lao của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông.
2. Thù lao của Hội đồng Quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.
3. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị làm kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành thì thù lao bao gồm lương của Tổng Giám đốc điều hành và các khoản thù lao khác.
4. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

CHƯƠNG IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Tư cách thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát không là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Trưởng Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng của công ty.

Điều 20. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Trong Ban Kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban Kiểm soát.
2. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng Quản trị, hoạt động của thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
2. Ban Kiểm soát họp ít nhất một quý một lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát đối với các Nghị quyết, Quyết định của Ban Kiểm soát.
3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban Kiểm soát quan tâm.
4. Ban Kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với UBCKNN hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.
5. Ban Kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
6. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8, Quy chế này.

Điều 23. Thù lao của Ban Kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng lương, thù lao, chi phí khác cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 59, Điều lệ Công ty.

Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho Ban Kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho cổ đông.

CHƯƠNG V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông

tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị những hợp đồng giữa Công ty với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.
5. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.
6. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá;
 - b) Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật;
 - c) Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật;
 - d) Tổ chức thực hiện.
7. Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 64, Điều lệ Công ty.

Điều 25. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông

và những người có liên quan.

Điều 26. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, nhà đầu tư, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
 - a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.
3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Công ty.

CHƯƠNG VI

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty là những người đã tốt nghiệp hoặc được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị công ty tổ chức.

CHƯƠNG VII

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 28. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Thông tin của Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 29. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
 - a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - b) Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - c) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành;
 - d) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng Quản trị;
 - e) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - f) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - h) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
 - i) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của UBCKNN cho UBCKNN và SGDC/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết.

Điều 30. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Những cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông của Công ty sẽ đăng ký với SGDC/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Điều lệ này và của pháp luật. Công ty, căn cứ vào thông báo định kỳ của SGDC/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết sẽ tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn sau khi những cổ đông gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
 - b) Địa chỉ liên lạc;
 - c) Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
 - d) Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;
 - e) Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
 - f) Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
 - g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.
2. Việc công bố thông tin các cổ đông được đề cập tại khoản 1, Điều này có thể sẽ được ủy quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán của Công ty thực hiện;
3. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của UBCKNN cho UBCKNN và SGDC/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết.

Điều 31. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b) Bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin;
 - c) Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là người thuộc Ban Thư ký Hội đồng Quản trị hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế này với UBCKNN, SGDCK/TTGDCK và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Chế độ giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của UBCKNN, SGDCK/TTGDCK và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Xử lý vi phạm

Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty có trách nhiệm thực hiện các Quy định được nêu tại Quy chế này.

Trường hợp vi phạm một cách có chủ ý gây thiệt hại cho Công ty, người có hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại xảy ra và bị xử lý căn cứ vào quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế quản lý nhân sự của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 35. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm IX Chương, 36 Điều do Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội xây dựng và ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 15/5/2009.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị có liên quan, cùng toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(đã ký)

ĐỖ QUANG HIỂN